

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 13-11-2019.

V/v : Tranh chấp hôn nhân và gia
đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Phơ.

2. Ông Đào Khel.

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2019/TLST-HNGĐ ngày 04/7/2019 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/10/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Ngọc H**, sinh năm 19XX (có mặt).

Địa chỉ: Số A1, Quốc lộ 1, khóm P, phường P, thành phố P, tỉnh P.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Hoàng Q**, sinh năm 19XX (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B1, Quốc lộ 1, khóm B2, phường P1, thành phố P1, tỉnh P1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Ngọc H và ông Nguyễn Hoàng Q kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố P, tỉnh P cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/5/2012.

Ông, bà chung sống với nhau cho đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cách sống vợ chồng không phù hợp, hai bên đã nhiều lần nói chuyện nhưng vẫn không dung hòa được cuộc sống vợ chồng. Ông, bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau trong khoảng thời gian dài. Từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và mâu thuẫn ngày càng tăng. Nay bà Võ Thị Ngọc H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Q.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Võ Thị Ngọc H và ông Nguyễn Hoàng Q có hai người con chung tên Nguyễn Quốc Th (nam), sinh ngày 28/12/2012 và Nguyễn Quốc T (nam), sinh ngày 15/3/2016. Sau khi ly hôn, bà Võ Thị Ngọc H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Quốc Th (nam), sinh ngày 28/12/2012 và Nguyễn Quốc T (nam), sinh ngày 15/3/2016 cho đến khi cháu Th và cháu T đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Thị Ngọc H không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng Q cấp dưỡng cho cháu Th và cháu T.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà Võ Thị Ngọc H tự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Nguyễn Hoàng Q: Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông Q biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ông Q đã nhận trực tiếp nhưng ông Q không tham gia theo giấy triệu tập của Tòa án. Đồng thời bị đơn ông Q cũng không cung cấp chứng cứ và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa theo Giấy triệu tập của Tòa án.

Ý kiến của kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là ông Nguyễn Hoàng Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Ngọc H và ông Nguyễn Hoàng Q xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống do cách sống vợ chồng không phù hợp, bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, hai bên đã nhiều lần nói chuyện nhưng vẫn không dung hòa được cuộc sống vợ chồng. Ông, bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau trong khoảng thời gian dài và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Q đã trực tiếp nhận Thông báo thụ lý và tất cả các văn bản của Tòa án, tuy nhiên ông Q không có bất cứ ý kiến gì. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông, bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H cho bà Hòa được ly hôn với ông Q.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Võ Thị Ngọc H và ông Nguyễn Hoàng Q có hai người con chung tên Nguyễn Quốc Th (nam), sinh ngày 28/12/2012 và Nguyễn Quốc T (nam), sinh ngày 15/3/2016. Hiện nay cháu Th và cháu T đang sống cùng bà H.

Sau khi ly hôn, bà Võ Thị Ngọc H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Quốc Th (nam), sinh ngày 28/12/2012 và Nguyễn Quốc T (nam), sinh ngày 15/3/2016 cho đến khi cháu Th và cháu T đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Th và cháu T hiện nay đang sống chung với mẹ là bà H, cuộc sống của hai cháu đang phát triển ổn định và cũng phù hợp với điều kiện học tập của hai cháu và sẽ tiện cho việc bà H chăm sóc hai cháu. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao cháu Nguyễn Quốc Th (nam), sinh ngày 28/12/2012 và Nguyễn Quốc T (nam), sinh ngày 15/3/2016 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Th và cháu T đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Thị Ngọc H không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng Q cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Hoàng Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung tên Nguyễn Quốc Th (nam), sinh ngày 28/12/2012 và Nguyễn Quốc T (nam), sinh ngày 15/3/2016 mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về nợ chung: Bà Võ Thị Ngọc H trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Võ Thị Ngọc H phải chịu án phí ly hôn số tiền là 300.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ những phân tích, nhận định trên nên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Võ Thị Ngọc H với ông Nguyễn Hoàng Q.

2. Về con chung: Giao cho bà Võ Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quốc Th (nam), sinh ngày 28/12/2012 và Nguyễn Quốc T (nam), sinh ngày 15/3/2016 cho đến khi cháu Th và cháu T đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Thị Ngọc H không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng Q cấp dưỡng cho cháu Th và cháu T.

Ông Nguyễn Hoàng Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung tên Nguyễn Quốc Th (nam), sinh ngày 28/12/2012 và Nguyễn Quốc T (nam), sinh ngày 15/3/2016 mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Võ Thị Ngọc H phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007593 ngày 26/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Bà H đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Thi hành án DS - TPST;
- UBND phường P, TP P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phan Thanh Loan